Sách Đa-ni-ên - Số bốn mươi bảy

Vạch trần những giáo lý lừa dối: Phân tích phê bình Đa-ni-ên chương 8 và những thách thức đối với thần học Cơ Đốc Phục Lâm

Jeff Pippenger
2024-01-11

Khi sừng nhỏ của La Mã được trình bày trong các câu chín đến mười hai của Đa-ni-ên chương tám, đó là một biểu tượng bị xuyên tạc, vì nó là biểu tượng của sự cải trang giới tính, một kẻ mặc đồ khác giới, dao động giữa nam và nữ. Điều này phù hợp với cách hiểu của phái Millerite rằng La Mã được đại diện qua hai giai đoạn: giai đoạn thứ nhất là quyền lực nhà nước La Mã, và giai đoạn thứ hai là quyền lực giáo hội La Mã; nhưng trong sự dao động về giới trong các câu ấy, sừng nhỏ lại lệch khỏi trình tự lịch sử và tiên tri (bị xuyên tạc). Tuy vậy, mỗi câu trong bốn câu ấy đều đại diện cho lịch sử gắn trực tiếp với hoặc quyền lực nhà nước La Mã hoặc quyền lực giáo hội La Mã. La Mã ngoại giáo đã bắt bớ mọi kẻ chống lại uy quyền đế quốc của nó, nhưng sự bắt bớ của La Mã giáo hoàng (nữ tính) ở câu mười thì cụ thể nhắm vào trời.

Theo cách hiểu của những người Millerite rằng La Mã là vương quốc thứ tư và cuối cùng, sự chuyển đổi qua lại từ nhà nước sang giáo hội rồi lại từ nhà nước sang giáo hội sẽ không phải là điều họ bận tâm. Họ đã thấy sự pha trộn giữa sắt và đất sét ở phần bàn chân trong Daniel chương hai, và đơn giản hiểu đó là hai giai đoạn của La Mã, không bận tâm xác định một trình tự lịch sử cụ thể gồm một vương quốc thứ tư và một vương quốc thứ năm. Họ cũng hiểu tương tự về chương bảy, nơi cái sừng nói những điều lớn lao chống lại Đấng Tối Cao đã có ba sừng bị nhổ khỏi mười sừng ban đầu của con thú La Mã. Ngay cả nếu Miller có nhận ra sự dao động về giới của các câu chín đến mười hai, thì điều đó cũng không quan trọng đối với cách hiểu của ông rằng vương quốc thứ tư là La Mã. Theo cách hiểu của Millerite, vương quốc thứ tư chấm dứt vào năm 1798, và sự kiện tiên tri tiếp theo là Sự Tái Lâm của Đấng Christ.

Sừng nữ tính chỉ ra người phụ nữ phạm tội thông dâm thuộc linh với sừng nam tính, và được nêu trong các câu mười và mười hai.

> Nó trở nên rất lớn, đến cả cơ binh trên trời; nó quăng xuống đất một số trong cơ binh và các ngôi sao, rồi giày đạp lên chúng. Đa-ni-ên 8:10.

Cuộc bách hại của quyền lực giáo hoàng đã nhằm vào Kitô giáo (đạo binh trên trời), và trong câu mười hai, Rô-ma giáo hoàng (giống cái), nhận được quyền lực để thực hiện công việc giết người của bà ta thông qua tội lỗi tà dâm với các vua châu Âu.

> Và một đạo binh được trao cho nó để chống lại của lễ hằng ngày vì cớ sự phạm tội; nó ném lẽ thật xuống đất; nó hành động và thành công. Đa-ni-ên 8:12.

“host” trong câu ấy đại diện cho quyền lực quân sự đã được trao cho chế độ giáo hoàng “against the daily.” Từ “against” có nghĩa là “from”. Từ các vua ngoại giáo của châu Âu (La Mã ngoại giáo), được đại diện bởi “the daily”, sự hỗ trợ quân sự (một đạo quân) đã được trao cho chế độ giáo

hoàng vì cớ sự vi phạm. Sự kết hợp giữa giáo hội và nhà nước, với giáo hội nắm quyền kiểm soát mối quan hệ, chính là “sự vi phạm.” Rượu của sự vi phạm ấy là máu của các Cơ Đốc nhân. Khi chế độ giáo hoàng nắm quyền kiểm soát các đạo quân của La Mã ngoại giáo, La Mã giáo hoàng (“nó”) “ném chân lý xuống đất; và nó hành động, và thịnh vượng.”

Trong sách Đa-ni-ên, chương mười một, câu ba mươi mốt, việc giao nộp quân đội cho Rô-ma giáo hoàng cũng được mô tả:

> Và quân binh sẽ đứng về phía hắn; chúng sẽ làm ô uế đền thánh kiên cố, cất bỏ của lễ hằng ngày, và dựng lên vật gớm ghiếc gây nên sự hoang tàn. Đa-ni-ên 11:31.

Câu này xác định sự chuyển tiếp lịch sử từ La Mã ngoại giáo sang La Mã giáo hoàng. Trong câu, “các cánh tay” là các vua châu Âu bắt đầu đứng lên ủng hộ giáo triều, khởi đầu với Clovis, vua của người Frank (Pháp), vào năm 496. “Các cánh tay” cũng làm ô uế “đền thánh của sức mạnh” (thành Rôma), qua các cuộc chiến tranh liên miên từ thế kỷ thứ tư trở đi đến năm 538. “Các cánh tay” cũng loại bỏ sự kháng cự của ngoại giáo trước sự trỗi dậy của giáo triều, và đến năm 508, sự kháng cự của ngoại giáo đã chấm dứt.

Từ được dịch là "take away" là từ Hê-bơ-rơ "sur" và có nghĩa là "loại bỏ". "Các binh" đã đặt "sự gớm ghiếc gây hoang tàn" (quyền giáo hoàng) lên ngai trên đất vào năm 538. Khi Đa-ni-ên đoạn tám, câu mười hai cho biết rằng "một đạo binh" đã được ban cho cái sừng nhỏ (giống cái), thì điều đó phù hợp với lời chứng của câu ba mươi mốt, đoạn mười một. Sách Khải Huyền cũng làm chứng cho cùng lẽ thật ấy ở đoạn mười ba.

> Và con thú mà tôi thấy giống như con báo, chân nó như chân gấu, miệng nó như miệng sư tử; và con rồng ban cho nó quyền lực của mình, ngai của mình, và quyền uy lớn. Khải Huyền 13:2.

Bà White trực tiếp xác định con thú ở câu hai là quyền giáo hoàng, và rằng con rồng trong câu ấy là La Mã ngoại giáo. La Mã ngoại giáo đã ban cho quyền giáo hoàng ba điều: "quyền lực của nó, ngai của nó, và quyền thế lớn."

Quyền lực quân sự đã được Rôma ngoại giáo trao, khởi đầu với Clovis vào năm 496. “Chỗ ngồi” để cai trị được trao cho giáo triều vào năm 330, khi hoàng đế Constantine dời kinh đô đến Constantinople, để lại kinh đô cũ là thành Rôma cho sự kiểm soát của Giáo hội do giáo hoàng đứng đầu. Năm 533, hoàng đế Justinian ban sắc lệnh rằng giáo hoàng là người đứng đầu Giáo hội và là người sửa trị những kẻ lạc giáo, trao “quyền uy lớn” của mình cho giáo hoàng Rôma. Câu 12 của chương 8 sách Đa-ni-ên xác định thời điểm khi một “đạo quân” được ban, và lẽ thật tiên tri ấy được nhiều chứng nhân làm chứng. Từ thời điểm đó (bắt đầu từ năm 496), giáo triều đã “hưng thịnh.”

Nó sẽ tiếp tục “hành động” và “hưng thịnh” cho đến khi cơn thịnh nộ chống lại vương quốc Israel miền bắc chấm dứt vào năm 1798, và chế độ giáo hoàng bị một vết thương chí tử.

> Vua ấy sẽ làm theo ý muốn mình; sẽ tự tôn mình và tự nâng mình lên trên mọi thần, nói những điều lạ lùng chống lại Đức Chúa Trời của các thần, và sẽ thịnh vượng cho đến khi cơn thịnh nộ được hoàn tất; vì điều đã định ắt sẽ xảy ra. Đa-ni-ên 11:36.

Câu chín của chương tám mô tả La Mã nam tính (La Mã ngoại giáo), và trình bày quá trình chinh phục ba bước mà La Mã ngoại giáo đã thực hiện, và điều này tượng trưng cho ba khu vực địa lý sẽ bị chinh phục để La Mã giáo hoàng được thiết lập trên ngai của thế gian, như được biểu tượng bởi ba sừng đã bị nhổ trong chương bảy. Hai cuộc chinh phục theo ba bước đó của La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng đã tượng trưng cho ba chướng ngại địa lý của La Mã hiện đại, trong các câu bốn mươi đến bốn mươi ba của Đa-ni-ên mười một. Rồi trong chương tám, câu mười một, sừng nhỏ nam tính (La Mã ngoại giáo) lại được nêu ra. Trong câu ấy, lập luận được thánh hóa vững chắc đến mức những kẻ nhạo báng đang cai trị Giê-ru-sa-lem buộc phải đưa vào nhiều dối trá thần học để dựng nên nền tảng giả mạo của họ.

> Thật vậy, nó tự tôn mình lên đến cả vị trưởng của cơ binh, và bởi nó, của lễ hằng ngày đã bị cất đi, và chỗ đặt đền thánh của Ngài đã bị quăng xuống. Đa-ni-ên 8:11.

Khi chúng ta bắt đầu đối diện với những đồng tiền và châu báu giả mạo đã được đưa vào Cơ Đốc Phục Lâm kể từ năm 1863, cần lưu ý rằng có hai lĩnh vực chính của cái gọi là chuyên môn thần học mà Cơ Đốc Phục Lâm vẫn tự hào, xem đó là nền tảng để duy trì các giáo lý của Tin Lành bội đạo và Công giáo. Lời tuyên bố của các nhà thần học Phục Lâm hiện đại là họ hoặc là chuyên gia về lịch sử Kinh Thánh, hoặc là chuyên gia về các ngôn ngữ Kinh Thánh. Cách họ áp dụng câu Kinh Thánh ấy cho thấy lời tiên tri đã trở nên như một cuốn sách bị niêm phong đối với họ, và cũng cho thấy rằng lời khẳng định mình là chuyên gia về các ngôn ngữ Kinh Thánh chỉ là sự biểu hiện hiện đại của tinh thần Pharisêu.

Trước hết là việc phớt lờ sự luân phiên về giống (ngữ pháp) đối với sừng nhỏ trong các câu chín đến mười hai. Nếu thật sự là những chuyên gia về tiếng Hê-bơ-rơ, hẳn họ đã không phủ nhận hay làm nhẹ đi thực tế rằng Đa-ni-ên cố ý sử dụng sự luân phiên giống trong những câu ấy. Sừng nhỏ được biểu thị ở cả hai giống, và các giống đó luân phiên qua lại xuyên suốt các câu. Các nhà thần học cố che đậy thực tế này bằng rác rưởi và những đồng tiền giả, vì điều đó cho thấy rõ ràng rằng câu mười một đang nói đến Rô-ma ngoại giáo, chứ không phải Rô-ma giáo hoàng. Tất nhiên họ khăng khăng cho rằng sừng nhỏ ở câu mười một là giáo hoàng, trong khi thực ra đó là Rô-ma ngoại giáo.

Một khi thừa nhận rằng trong bốn câu Kinh Thánh về sừng nhỏ có hai câu mang giới tính nam và hai câu mang giới tính nữ, thì thật đơn giản để tiếp nhận chân lý Kinh Thánh rằng người phụ nữ trong lời tiên tri Kinh Thánh tượng trưng cho một hội thánh, còn người đàn ông tượng trưng cho một nhà nước. Biết điều này giúp tất cả những ai muốn thấy rằng sừng nhỏ ở câu mười một là La Mã nam tính (La Mã ngoại giáo), chứ không phải La Mã nữ tính (La Mã giáo hoàng).

Vì vậy, câu Kinh Thánh được hiểu là dạy rằng La Mã ngoại giáo (nó) đã tự tôn mình lên đến cả vị thủ lãnh của đạo binh, như La Mã ngoại giáo đã làm khi đóng đinh vị thủ lãnh của đạo binh trên thập tự giá tại đồi Can-vê. Không những La Mã ngoại giáo đã tự tôn mình lên chống lại Đấng Christ trên thập tự giá, câu ấy còn nói tiếp rằng bởi nó (La Mã ngoại giáo) "của lễ hằng ngày đã bị cất bỏ."

Trong sách Daniel có hai từ tiếng Hê-bơ-rơ đều được dịch là "cất đi." Các từ đó là "sur" và "rum". Cả hai từ đều được dùng trong nghi lễ đền thánh. "Sur" có nghĩa là cất đi hoặc loại bỏ, và khi tro

trên bàn thờ trong đền thánh được dọn đi, từ dùng để mô tả việc dọn tro là "sur". Từ "rum" có nghĩa là nâng lên và tôn cao, và khi thầy tế lễ trong đền thánh phải nâng lên một của lễ vẫy, ông sẽ "rum" (nâng lên) của lễ ấy. Ở câu mười một, La Mã ngoại giáo ("the daily") sẽ "rum" (cất đi) ngoại giáo bằng cách nâng lên và tôn cao tôn giáo ngoại giáo.

La Mã ngoại giáo sẽ đề cao và tôn vinh đạo ngoại giáo. Các nhà thần học Cơ Đốc Phục Lâm tự xưng là chuyên gia về các ngôn ngữ Kinh Thánh chọn coi mọi lần xuất hiện của "take away" trong sách Đa-ni-ên là "remove". Họ không thừa nhận lối viết riêng biệt và chính xác của Đa-ni-ên, và như vậy đặt mình lên trên tiên tri Đa-ni-ên.

Những nhà thần học tự xưng là hiểu các ngôn ngữ Kinh Thánh đưa ra các lập luận để biện minh vì sao Đa-ni-ên chủ ý muốn nói cùng một điều khi ông dùng hai từ khác nhau. Họ đưa ra những nghiên cứu từ ngữ dài dòng và rườm rà để bảo vệ các tuyên bố sai lạc của mình. Những nhà thần học tự xưng là hiểu lịch sử Kinh Thánh thì lập luận rằng cách áp dụng sai lạc ấy dựa trên việc nhận thấy rằng ở những giai đoạn lịch sử khác nhau, cùng một từ có thể mang nghĩa khác nhau; vì vậy, khi Đa-ni-ên dùng hai từ khác nhau, chỉ có chuyên gia lịch sử mới có thể xác định Đa-ni-ên thực sự muốn nói gì. Điều quan trọng là phải nhận diện hai phương pháp sai lạc này, vì chúng thường được các nhà thần học dùng để né tránh phương pháp “dòng trên dòng”.

> Thật vậy, nó tự tôn mình lên đến cả vị trưởng của cơ binh, và bởi nó, của lễ hằng ngày đã bị cất đi, và chỗ đặt đền thánh của Ngài đã bị quăng xuống. Đa-ni-ên 8:11.

Từ được dịch là "taken away" trong câu ấy có nghĩa là "nâng lên và tôn cao". Nó không có nghĩa là loại bỏ. Sự thật này gây ra sự bối rối và mâu thuẫn cho các nhà thần học Cơ Đốc Phục Lâm, vì các tiền đề của họ không đứng vững trước một đánh giá đơn giản về câu ấy, khi định nghĩa thực sự của từ mà Đa-ni-ên dùng được áp dụng cho câu. Họ lập luận rằng cái sừng nhỏ trong câu là Rô-ma giáo hoàng, và vì thế câu sẽ nói rằng "bởi nó" (Rô-ma giáo hoàng) "của lễ hằng ngày đã bị cất đi."

Họ dĩ nhiên không gặp vấn đề gì khi đưa vào từ đã được thêm mà Bà White nói rõ ràng là do sự khôn ngoan của con người thêm vào và không áp dụng cho văn bản.

> Bấy giờ tôi thấy, liên quan đến 'hằng ngày' (Đa-ni-ên 8:12), rằng từ 'của lễ' là do sự khôn ngoan của loài người thêm vào, không thuộc về bản văn, và rằng Chúa đã ban quan điểm đúng đắn về điều ấy cho những người đã cất tiếng kêu giờ phán xét. Early Writings, 74.

Họ xác định “the daily” là chức vụ tại đền thánh của Đấng Christ, nên “daily sacrifice” ủng hộ quan niệm rằng “the daily” là công việc hy sinh của Đấng Christ trong đền thánh trên trời. Nhưng sự soi dẫn cho biết rằng từ “sacrifice” “không thuộc về bản văn”.

Khi những kẻ say sưa của Êpraim cho rằng "the daily" là công tác của Đấng Christ trong đền thánh, thì câu ấy sẽ được đọc như sau: "do nó" (La Mã Giáo hoàng) "the daily đã bị cất bỏ," hoặc sẽ đọc: "bởi quyền lực giáo hoàng, chức vụ trong đền thánh của Đấng Christ đã bị cất bỏ." Họ thực sự dạy điều sai dối này. Họ khăng khăng rằng qua bóng tối của nền thống trị giáo hoàng, sự hiểu biết chân thật về chức vụ trong đền thánh của Đấng Christ đã bị lấy khỏi tâm trí loài người.

Tuy nhiên, từ được dịch là "take away" không có nghĩa là loại bỏ; nó có nghĩa là nâng lên và tôn cao. Nếu những người tự xưng là chuyên gia về các ngôn ngữ Kinh Thánh áp dụng đúng nghĩa của từ tiếng Hê-bơ-rơ "rum" cho đoạn văn này, thì bản dịch của họ sẽ cần phải nói rằng: "bởi quyền lực giáo hoàng, chức vụ trong đền thánh của Đấng Christ đã được nâng lên và tôn cao." Khi nào thì chế độ giáo hoàng từng nâng lên và tôn cao Đấng Christ?

Họ tìm cách áp đặt định nghĩa của từ tiếng Hê-bơ-rơ "sur" lên từ tiếng Hê-bơ-rơ "rum." Daniel dùng từ "sur", nghĩa là "loại bỏ", liên hệ với "điều hằng ngày" trong hai câu khác, nhưng ở câu mười một, Daniel đã chọn từ "rum" nghĩa là "nâng lên" và "tôn cao." Không những mớ chuyện hoang đường về câu này là điều dại dột vì đã bóp méo ý nghĩa của từ được dịch là "take away", mà còn chưa từng có lúc nào chức vụ tại đền thánh của Đấng Christ bị lấy khỏi loài người bằng bất kỳ cách nào.

> Nhưng Ngài, vì hằng còn, nên có chức tế lễ không hề thay đổi. Vì vậy, Ngài cũng có thể cứu trọn những ai nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài hằng sống để cầu thay cho họ. Hê-bơ-rơ 7:24, 25.

Khẳng định, như các nhà thần học Cơ Đốc Phục Lâm làm, nhằm củng cố cách áp dụng sai câu Kinh Thánh của họ, rằng đã có một thời kỳ chế độ giáo hoàng thực thi một loại quyền lực nào đó để tước bỏ sự chuyển cầu của Đấng Christ trong đền thánh, là điều thật vô lý!

Nhưng các nhà thần học không dạy rằng câu Kinh Thánh ấy chỉ ra rằng quyền giáo hoàng đã nâng lên và tôn cao chức vụ trong đền thánh của Đấng Christ. Họ né tránh ý nghĩa trong lời của Đa-ni-ên và lời khuyên được linh hứng của Ellen White, để vẫn dạy theo điều họ muốn dạy, bất chấp lời chứng của Đa-ni-ên.

> Thật vậy, nó tự tôn mình lên đến cả vị trưởng của cơ binh, và bởi nó, của lễ hằng ngày đã bị cất đi, và chỗ đặt đền thánh của Ngài đã bị quăng xuống. Đa-ni-ên 8:11.

Các nhà thần học dạy rằng câu ấy có nghĩa là “bởi quyền lực giáo hoàng, chức vụ trong đền thánh của Đấng Christ đã bị cất đi”, và việc cất bỏ chức vụ trong đền thánh của Đấng Christ khỏi tâm trí loài người được củng cố bởi thực tế rằng, đi kèm với sự cất bỏ ấy, “nơi đền thánh” của Đấng Christ “đã bị quăng xuống”. Không có một câu nào trong Lời Đức Chúa Trời cho biết rằng đền thánh trên trời—nơi Đấng Christ thi hành sự cầu thay—đã từng bị quăng xuống. Cũng không có đoạn Kinh Thánh nào cho biết rằng chính thiên đàng, là “nơi đền thánh của Ngài”, đã từng bị quăng xuống. Một lần nữa, các nhà thần học tự đặt mình lên trên tiên tri Đa-ni-ên, vì họ khăng khăng rằng “nơi đền thánh của Ngài” trong câu ấy là nói về đền thánh của Đức Chúa Trời, mặc cho Đa-ni-ên dạy điều trực tiếp trái ngược với ý tưởng đó.

Những người tự nhận là chuyên gia về tiếng Do Thái khẳng định rằng trong câu ấy, từ tiếng Do Thái "rum" cần được hiểu theo nghĩa của từ "sur". Họ cũng khẳng định rằng từ tiếng Do Thái "miqdash" cần được hiểu như từ "qodesh". "Miqdash" và "qodash" đều được dịch đơn giản là "đền thánh" trong sách Daniel, tuy chúng có những ý nghĩa khác nhau. "Miqdash" chỉ bất kỳ đền thánh nào, dù là đền thánh của Đức Chúa Trời hay đền thờ ngoại giáo. Đó là từ chung cho "đền thánh", còn "qodesh" chỉ được dùng trong Kinh Thánh để chỉ đền thánh của Đức Chúa Trời.

Daniel biết sự khác biệt giữa một đền thánh ngoại giáo và đền thánh của Đức Chúa Trời. Nếu Daniel muốn chỉ một đền thánh ngoại giáo, ông sẽ dùng từ "miqdash". Điều khiến tôi kinh ngạc là những người được cho là chuyên gia về tiếng Hê-bơ-rơ không bao giờ đề cập đến thực tế rằng, trong bốn câu liên tiếp, Daniel dùng cả hai từ đó tổng cộng ba lần. Cách Daniel dùng hai từ Hê-bơ-rơ, cả hai đều được dịch là "đền thánh", làm rõ ý nghĩa mà Daniel muốn người đọc hiểu.

> Phải, nó tự tôn mình lên đến cả Thủ lãnh của đạo binh, và bởi nó, của lễ hằng ngày đã bị cất đi, và nơi thánh của Ngài đã bị quăng xuống. Và vì cớ sự phạm tội, một đạo binh đã được ban cho nó chống lại của lễ hằng ngày, và nó quăng chân lý xuống đất; nó hành động và thịnh vượng. Bấy giờ tôi nghe một đấng thánh nói, và một đấng thánh khác nói với đấng thánh đang nói ấy rằng: Khải tượng về của lễ hằng ngày và sự phạm tội gây hoang tàn sẽ còn bao lâu, để phó cả nơi thánh và đạo binh cho bị giày đạp? Người nói với tôi: Cho đến hai nghìn ba trăm ngày; bấy giờ nơi thánh sẽ được thanh tẩy. Đa-ni-ên 8:11-14.

Ngay trong chính đoạn Kinh Thánh chứa đựng nền tảng của Cơ Đốc Phục Lâm, Daniel dùng hai từ Hê-bơ-rơ khác nhau, cả hai đều được dịch là "đền thánh". Ở các câu 13 và 14, Daniel chọn dùng từ Hê-bơ-rơ cho "đền thánh" vốn chỉ được dùng trong Kinh Thánh để chỉ đền thánh của Đức Chúa Trời; nhưng ở câu 11, Daniel dùng một từ Hê-bơ-rơ mang tính chung, có thể chỉ đền thánh của Đức Chúa Trời, hoặc cũng có thể là đền thờ ngoại giáo.

Nếu Đa-ni-ên muốn xác định “đền thánh” ở câu mười một là đền thánh của Đức Chúa Trời, ông hẳn đã dùng cùng một từ tiếng Hê-bơ-rơ mà ông đã dùng hai lần trong ba câu kế tiếp. Hoàn toàn rõ ràng rằng Đa-ni-ên đã phân biệt giữa một đền thánh ngoại giáo ở câu mười một và đền thánh của Đức Chúa Trời ở các câu mười ba và mười bốn! Nhưng những kẻ say sưa của Êpraim lại lập luận rằng “nơi của đền thánh nó” đã bị “quăng xuống” ở câu mười một chính là nơi của đền thánh của Đức Chúa Trời, dù họ tránh dùng chữ “nơi”.

Họ dạy rằng chế độ giáo hoàng đã tước bỏ chức vụ cầu thay của Đấng Christ và đạp đổ lẽ thật về đền thánh trên trời. Nhưng Đa-ni-ên nói rõ rằng “đền thánh” trong câu mười một không phải là đền thánh của Đức Chúa Trời, mà là một đền thánh ngoại giáo. Đa-ni-ên cũng nói rõ rằng điều bị quăng xuống không phải là “đền thánh” mà là “nơi” của đền thánh ấy.

Từ chối thừa nhận sự luân phiên có chủ đích về giống ngữ pháp trong các câu từ chín đến mười hai, các nhà thần học hiện đại đã tiếp nhận định nghĩa về “the daily” vốn bắt nguồn trong Tin Lành bội đạo, và bắt đầu xây dựng một nền tảng trên cát của suy đoán, truyền thống và tập tục của con người. Khi họ đến câu mười một, họ thậm chí còn bác bỏ lời khuyên được linh hứng của Bà White, lời khuyên xác nhận rằng cách hiểu của Miller rằng “the daily” là chủ nghĩa ngoại giáo là đúng, và bắt đầu sử dụng nghệ thuật đánh lạc hướng và suy đoán để bảo vệ niềm yêu thích của họ đối với thần học Công giáo và Tin Lành.

Họ biến La Mã ngoại giáo thành La Mã giáo hoàng trong câu, và họ áp đặt định nghĩa "remove" lên một từ vốn có nghĩa là "nâng lên và tôn cao". Họ gán cho biểu tượng mang tính Sa-tan của "the daily" ý nghĩa là một biểu tượng thuộc về Đức Chúa Trời, rồi khăng khăng cho rằng một đền thờ ngoại giáo là đền thờ của Đức Chúa Trời, đồng thời né tránh việc nhắc trực tiếp đến "the place" của đền thánh. Và những người "không học thức" (như Isaiah gọi họ), những người chỉ hiểu nếu những

kẻ "có học" bảo rằng đúng như vậy, chấp nhận món ăn gồm những chuyện hoang đường và tự chuốc lấy sự diệt vong.

Chúng tôi sẽ tiếp tục xem xét sự gia tăng tri thức, vốn được tượng trưng bằng những viên ngọc trong giấc mơ của Miller, trong bài viết tiếp theo.

> Sứ đồ Phao-lô cảnh báo chúng ta rằng "một số sẽ lìa bỏ đức tin, lắng nghe các tà linh quyến dụ và các giáo lý của ma quỷ." Đây là điều chúng ta có thể trông đợi. Những thử thách lớn nhất của chúng ta sẽ đến vì hạng người đã từng bênh vực lẽ thật nhưng rồi quay lưng lại với nó để theo thế gian, và chà đạp nó dưới chân trong hận thù và nhạo báng. Đức Chúa Trời có một công việc dành cho các đầy tớ trung tín của Ngài. Những cuộc tấn công của kẻ thù phải được đối diện bằng lẽ thật của Lời Ngài. Sự giả dối phải bị lột mặt nạ, bản chất thật của nó phải được bày tỏ, và ánh sáng của luật pháp Đức Giê-hô-va phải chiếu rọi vào bóng tối luân lý của thế gian. Chúng ta phải trình bày những đòi hỏi của Lời Ngài. Chúng ta sẽ không được coi là vô tội nếu bỏ bê bổn phận trang trọng này. Nhưng khi chúng ta đứng lên để bênh vực lẽ thật, chớ đứng lên để tự bào chữa, và đừng làm ầm ĩ chỉ vì chúng ta được kêu gọi gánh chịu sự sỉ nhục và xuyên tạc. Đừng tự thương hại mình, nhưng hãy hết lòng ghen kính cho luật pháp của Đấng Tối Cao.
>
> Sứ đồ nói: "Sẽ đến lúc họ không chịu nổi giáo lý lành mạnh; nhưng theo các dục vọng riêng, họ sẽ chất lấy cho mình các thầy dạy, tai thì ngứa ngáy; và họ sẽ quay tai khỏi lẽ thật, và sẽ hướng về những chuyện hoang đường." Khắp nơi chúng ta thấy người ta dễ dàng bị bắt làm tù binh bởi những tưởng tượng lừa dối của những kẻ làm cho lời Đức Chúa Trời trở nên vô hiệu; nhưng khi lẽ thật được đem ra trước họ, họ đầy bực bội và giận dữ. Nhưng lời khuyên của sứ đồ dành cho đầy tớ của Đức Chúa Trời là: "Hãy tỉnh thức trong mọi sự, chịu đựng hoạn nạn, làm công việc của một người truyền giảng, chu toàn chức vụ của ngươi." Trong thời của ông có những người đã rời bỏ sự nghiệp của Chúa. Ông viết: "Demas đã lìa bỏ ta, vì đã yêu thế gian hiện tại;" và lại nói: "Alexander, người thợ rèn đồng, đã làm hại ta rất nhiều; Chúa sẽ báo trả người ấy theo công việc của người ấy; hãy đề phòng người ấy nữa, vì người ấy đã kịch liệt chống lại lời chúng ta."
>
> Các tiên tri và các sứ đồ đã trải qua những thử thách tương tự của sự chống đối và sỉ nhục, và ngay cả Chiên Con vô tì vết của Đức Chúa Trời cũng đã bị cám dỗ ở mọi phương diện như chúng ta. Ngài đã chịu đựng sự chống đối của những kẻ tội lỗi nghịch lại chính Ngài.
>
> Mọi lời cảnh báo cho thời kỳ này phải được truyền đạt một cách trung tín; nhưng 'tôi tớ của Chúa không được tranh cãi, nhưng phải mềm mỏng đối với mọi người, khéo dạy dỗ, nhẫn nại; lấy lòng nhu mì sửa dạy những kẻ tự chống đối mình.' Chúng ta phải gìn giữ cẩn thận lời của Đức Chúa Trời chúng ta, kẻo bị nhiễm bởi những hoạt động lừa dối của những kẻ đã lìa bỏ đức tin. Chúng ta phải chống lại tinh thần và ảnh hưởng của họ bằng chính vũ khí mà Thầy chúng ta đã dùng khi bị chúa tể của bóng tối công kích—'Có chép rằng.' Chúng ta nên học biết sử dụng lời của Đức Chúa Trời cách khéo léo. Lời khuyên là: 'Hãy chăm lo để tỏ mình được Đức Chúa Trời chấp nhận, như một người làm công không phải hổ thẹn, phân giải đúng lời của lẽ thật.' Cần có công việc siêng năng cùng sự cầu nguyện tha thiết và đức tin để đối phó với những sai lầm quanh co của các giáo sư giả dối và kẻ quyến dụ; vì 'trong những ngày sau rốt sẽ có thời kỳ nguy hiểm. Vì người ta sẽ yêu mình, tham lam, khoe khoang, kiêu ngạo, phạm

thượng, bất tuân cha mẹ, vô ơn, bất kính, không có tình thương tự nhiên, bội ước, vu cáo, không tự chế, hung bạo, khinh bỉ kẻ lành, phản bội, nông nổi, tự phụ, ưa thích khoái lạc hơn là yêu mến Đức Chúa Trời; có hình thức tin kính, nhưng chối bỏ quyền năng của sự tin kính ấy: hãy lánh xa những kẻ như vậy.' Những lời này phác họa tính cách của những người mà các tôi tớ của Đức Chúa Trời sẽ phải đối mặt. 'Những kẻ vu cáo,' 'những kẻ khinh bỉ người lành,' sẽ tấn công những ai trung tín với Đức Chúa Trời của mình trong thời đại suy đồi này. Nhưng sứ giả của Thiên Đàng phải bày tỏ tinh thần đã được tỏ hiện nơi Thầy. Trong khiêm nhu và yêu thương, người ấy phải làm việc cho sự cứu rỗi của loài người.

Phao-lô tiếp tục nói về những kẻ chống lại công việc của Đức Chúa Trời, so sánh họ với những người đã gây chiến chống lại những người trung tín trong thời Y-sơ-ra-ên xưa. Ông nói: “Như Giannes và Jambres đã chống đối Môi-se, thì những kẻ này cũng chống lại lẽ thật; là những người có tâm trí bại hoại, bị loại bỏ đối với đức tin. Nhưng họ sẽ chẳng tiến xa hơn nữa, vì sự ngu dại của họ sẽ lộ rõ cho mọi người, như sự ngu dại của hai kẻ kia cũng đã lộ rõ.” Chúng ta biết ngày sẽ đến khi sự điên dại của việc gây chiến chống lại Đức Chúa Trời sẽ bị phơi bày. Chúng ta có thể bình thản kiên nhẫn và tin cậy mà chờ đợi, dẫu bị vu khống và khinh bỉ đến đâu; vì “chẳng có điều kín giấu nào mà không bị tỏ ra,” và ai tôn kính Đức Chúa Trời sẽ được chính Ngài tôn trọng trước mặt loài người và các thiên sứ. Chúng ta được dự phần trong những sự thương khó của các nhà cải chánh. Có chép rằng: “Sự sỉ nhục của những kẻ sỉ nhục Ngài đều đổ trên tôi.” Đấng Christ hiểu nỗi buồn đau của chúng ta. Không ai trong chúng ta được kêu gọi vác thập tự giá một mình. Đấng Chịu Khổ trên Gô-gô-tha cảm thương nỗi khốn khổ của chúng ta, và vì Ngài đã chịu khổ trong cơn cám dỗ, Ngài cũng có thể tiếp cứu những kẻ vì cớ Ngài mà đang ở trong buồn đau và thử luyện. “Phải, hết thảy những ai muốn sống tin kính trong Đấng Christ Giê-su sẽ bị bắt bớ. Nhưng kẻ ác và bọn lừa dối sẽ càng ngày càng tệ hơn, lừa dối và bị lừa dối. Còn con, hãy vững vàng trong những điều con đã học.” Review and Herald, ngày 10 tháng 1, 1888.